SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.179/TTQT 0403

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **01/01**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *21/05/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. COD* mg/l *Chemical oxygen demand*	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h10/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 10h10.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.179/TTQT 0402

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **01/02**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *21/05/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. Amoni ($N\text{-}NH_4^+$)* *Nitrogen – Aminonium*	mg/l	TCVN 6179-1 : 1996	KPH (<0,100)
2. BOD_5 (ở 20°C)* *Biological oxygen demand*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	4,2
3. Sunfua (S^{2-}) *Sunfur*	mg/l	SMEWW 4500 S^{2-}.B&D:2023	KPH (<0,12)
4. Phosphat ($P\text{-}PO_4^{3-}$)* *Phosphate*	mg/l	TCVN 6202 : 2008	4,41
5. Nitrat ($N\text{-}NO_3^-$)* *Nitrogen – Nitrate*	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	15
6. Dầu mỡ động thực vật *Vegetable oils and fats*	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2023	KPH (<3,0)
7. T – Coliform *Total Coliform*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	(-) (<2,0)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.179/TTQT 0402

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **02/02**

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8. Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids*	mg/l	SOP – PQT - 44	488
9. Chất rắn lơ lửng (TSS)* *Total suspended solids*	mg/l	TCVN 6625 : 2000	8,7
10. pH		TCVN 6492 : 2011	7,3
11. Chất hoạt động bề mặt** *Surfactank*	mg/l	SMEWW 5540B & C:2017	0,23

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h10/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 10h10.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.* (-): Âm tính/ *Negative.*

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.180/TTQT 0404

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **01/03**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải có khả năng bị nhiễm dầu của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí có tọa độ X: 1155890 và Y: 441528.**
Wastewater ability contaminated oil of Nam Con Son Pipeline Company. Location with coordinates X: 1155890 & Y: 441528.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *21/025/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* *Suspended solids*	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<3,0)
2. BOD_5 (20°C)* *Biochemical Oxygen Demand*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* *Chemical Oxygen Demand*	mg/l	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* *Total Iron*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2023	0,215
5. Chì (Pb) *Lead*	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
6. Kẽm (Zn)* *Zinc*	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B : 2023	0,241
7. Thủy ngân (Hg) *Mercury*	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0009)
8. Asen (As) *Arsenic*	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0030)
9. Crôm III (Cr^{3+}) *Chromium III*	mg/l	Tk: TCVN 6658:2000 SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
10. Crôm VI (Cr^{6+}) *Chromium VI*	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.180/TTQT
0404

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **02/03**

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
11. Tổng Nitơ (T-N)* *Nitrogen total*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S^{2-}) *Sulfur*	mg/l	SMEWW 4500S^{2-}.B&D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (<0,09)
14. Độ màu *Colour*	mg/l Pt	TCVN 6185:2015	8
15. Florua (F^-) *Fluoride*	mg/l	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư *Chlorine, free*	mg/l	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng *Mineral oil*	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
18. Nitơ-amoni ($N\text{-}NH_4^+$)* *Nitrogen - aminonium*	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH (<0,100)
19. Tổng phốt pho (T-P)* *Phosphorus*	mg/l	TCVN 6202:2008	0,029
20. pH		TCVN 6492 : 2011	7,8
21. Đồng (Cu)* *Copper*	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
22. Cadimi (Cd) *Cadmium*	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
23. T-Coliform *Coliform organisms*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	33
24. Mangan (Mn)* *Manganese*	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
25. Niken (Ni)* *Nickel*	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.180/TTQT 0404

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 03/06/2024
Trang (Page): **03/03**

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
26. Cyanua (CN^-) *Cyanide*	mg/l	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)
27. Nhiệt độ *Temperature*	°C	SMEWW 2550B : 2023	31,1

***Ghi chú*:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h45/ *Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 09h45.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): *Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.*

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1322/TTQTTNMT – DVTV ngày 26/01/2024/ *Sample is collected according to contract C-1322 / TTQTTNMT – DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt